

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 294/2020/HS-ST

Ngày: 10 / 8 /2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 305 /2020/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phạm Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 2 năm 1964.

ĐKKHKT và nơi ở : Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/10; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, Phạm thể): Không; Con ông: Phạm Xuân M, đã chết; Con bà: Bùi Thị N, đã chết; Gia đình có 04 anh em, bị can là con thứ ba.; Vợ: Đỗ Thị S, sinh năm 1964; Có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1987.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 904 ngày 24/5/2000 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt T 7 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 12/10/2006.

Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2020 đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

1. Ông Trần Đức M, sinh năm 1981;

ĐKHKT: Xóm C, xã D, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ ngày 26/4/2020, tổ công tác của Công an xã D, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực đường Z thuộc xóm C, xã D, thành phố Thái Nguyên phát hiện một người đàn ông có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, người đàn ông T khai tên là Phạm Văn T, T khai nhận đang tàng trữ trái phép chất ma túy và T giắc lấy từ trong túi quần trước bên trái T đang mặc ra 01 gói nhỏ giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng, T khai là ma túy Heroine. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, niêm phong thu giữ vật chứng theo quy định (BL: 38-39, 41)

Cùng ngày, tiến hành mở niêm phong cân xác định: Số chất bột màu trắng thu giữ của T có khối lượng 0,157 gam, cho toàn bộ vào bì niêm phong ký hiệu T gửi giám định. Tại bản Kết luận giám định số 591/KL-KTHS ngày 03/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu T gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,157 gam (BL: 42, 44).

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn T khai: Khoảng 17 giờ ngày 26/4/2020, T đi bộ một mình từ xóm C, xã D, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực cầu vượt cao tốc qua phường F, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. T ngồi tại chân cầu vượt khoảng 10 phút thì gặp 01 người phụ nữ tên H, T đã mua của H 01 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy bạc màu vàng với giá 200.000 đồng. Mua xong, T cất gói Heroine vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi đi tìm nơi để sử dụng ma túy. Khi T đi đến khu vực xóm C, xã D, thành phố Thái Nguyên thì bị tổ công tác của Công an xã D, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bì niêm phong ký hiệu T, hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 311 /CT-VKSNDTPTN ngày 08 /7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo là đúng người đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Phạm Văn T từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy bì niêm phong ký hiệu T. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của Phạm Văn T tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có căn cứ xác định.

Hồi 18 giờ ngày 26/4/2020, tại khu vực xóm C, xã D, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, Phạm Văn T đang có hành vi tàng trữ 0,157 gam Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an xã D, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại Điều 249 BLHS quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c, Herroine...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xét xử 7 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bản án nêu trên bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính, chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung nhưng do sự thay đổi của pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo không cấu thành tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

[4]. Về hình phạt: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, cũng như nhân thân của bị cáo thì thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính chất ngăn ngừa tội phạm nói chung và các tội phạm về ma túy nói riêng. Xét thấy mức án từ 24 đến 30 tháng tù đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị khi luận tội là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản gì để đảm bảo thi hành án do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 bì niêm phong ký hiệu T là ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Phạm Văn T khai mua của một người phụ nữ không quen biết tên H. Do không xác định được lai lịch, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS;

1. Xử phạt: Phạm Văn T 24 (Hai mươi bốn tháng) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/4/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 của BLTTHS: Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu T , mặt sau bì có đều có 02 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công tỉnh Thái Nguyên có chữ ký của Trần Đức Thủy.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số ngày 379/09/7/2020 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.)

2.Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xét xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- VKS nhân dân TPTN;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Chi cục THA dân sự TPTN;
- Tòa án tỉnh TN;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà